TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 462/2017/QĐST-HNGĐ	*B, ngày 25 tháng 9 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 341/2017/TLST-HNGĐ ngày 06/9/2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trương Thị Mỹ H, sinh năm 1969.
Địa chỉ: 63/5A ấp 3, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1962.
Địa chỉ: 11/23B ấp 4, xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15/9/2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15/9/2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Trương Thị Mỹ H và ông Nguyễn Văn B.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Mỹ H và ông Nguyễn Văn B thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 79 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/7/2004 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày 25/9/2017).

2.2. Về con chung: Có một người con chung tên Nguyễn Thị Mỹ C – sinh ngày 19/12/1985 (đã trưởng thành).

2.3. Về tài sản chung: Không có tài sản chung.

2.4. Nợ chung: Không có nợ chung.

2.5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trương Thị Mỹ H và ông Nguyễn Văn B mỗi người nộp 75.000 (Bảy mươi lăm ngàn) đồng, tổng cộng là 150.000 (Một trăm năm mươi ngàn) đồng do bà H tự nguyện nộp nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AD/2014/0008107 ngày 06/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, bà Trương Thị Mỹ H được nhận lại số tiền chênh lệch là 150.000 (Một trăm năm mươi ngàn) đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã Đ, huyện B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Lựu